**PHỤ LỤC XXV**

**MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÁN NIÊN, NĂM***(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| **Số:** | **Tp HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2021** |

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

**Năm 2020**

1. **Thông tin về quỹ**
2. Tên của quỹ, loại hình quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM**
3. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu chính của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Quỹ thực hiện việc đầu tư bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

1. Thời hạn hoạt động của quỹ: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động
2. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
3. Chính sách phân chia lợi nhuận: Quỹ VFMVFB sẽ không phân phối lợi nhuận
4. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: **43.634.806,43** chứng chỉ Quỹ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 01/01/2020 | 25.279.478,82 | CCQ |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ | 35.571.220,52 | CCQ |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ | (17.215.892,91) | CCQ |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2020 | : **43.634.806,43** | CCQ |

Nội dun thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2019- Lần 2 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ngày 21/04/2020 (chi tiết theo file đính kèm).

Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2019- Lần 2 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ngày 21/04/2020 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2019, ngân sách, kế hoạch hoạt động, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật…(chi tiết theo file đính kèm)



1. i) Ý kiến nhận xét của NHGS về các nội dung quy định tại Điều 45, TT183:
2. Căn cứ vào thư xác nhận của Công ty quản lý quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.
3. **Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ**
4. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu…) tại ngày 31/12/2020 gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2020** | **31/12/2019** | **31/12/2018** |
| 1 | Trái phiếu | 413.153.180.400 | 197,788,540,000 | 149,919,500,000 |
|
| 2 | Chứng chỉ tiền gửi | 385.000.000.000 | 225,000,000,000 | 304,787,559,722 |
| 3 | Tiền gửi ngân hàng | 91.648.807.923 | 52,482,148,566 | 107,897,207,304 |
| 4 | Tài sản khác | 28.275.640.588 | 22,415,038,360 | 111,972,222,470 |
|  | **Tổng giá trị danh mục** | **918.077.628.911** | **497,685,726,926** | **674,576,489,496** |

Giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày 31/12/2020 là **905.690.985.301**đồng, tại ngày 31/12/2019 là **491.788.288.327**đồng.

-Tại ngày 31/12/2020, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: **20.756,15**, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 43.634.806,43.

* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo: 20.756,15 đồng/ccq
* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo: 19,460.99 đồng/ccq

Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập);



- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: không có

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%): 1.19%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ năm 2020 : 83.50%

- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình năm 2019 : 66.22%

Nguyên nhân của sự thay đổi này:

*Trong năm 2020 tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ VFB và tốc độ vòng quay danh mục có sựu tăng nhẹ so với năm 2019 và có xu hướng tăng về các tháng cuối năm do quỹ tăng cường giao dịch để tìm kiếm lợi nhuận. Quỹ tiếp tục duy trì tỷ trọng đầu tư lớn vào trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi, chỉ giao dịch đầu tư TPCP khi có cơ hội thị trường do vậy vòng quay tài sản quỹ không có sự biến động mạnh.*

Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong thời hạn 12 tháng, 36 tháng, 60 tháng (từ thời điểm lập Quỹ 10/6/2013 đến ngày lập báo cáo):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm** | **3 năm** | **5 năm** |
| **Lợi nhuận bình quân** | 44,861,873,578 | 50,325,411,676 | 40,560,418,474 |

Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

1. Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.
2. **Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ**

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ bao gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *không có*
2. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *không áp dụng cho báo cáo bán niên*

*Quỹ VFB là quỹ có kết quả đầu tư tốt nhất trong số các quỹ đầu tư trái phiếu trên thị trường trog năm 2020 và tốt hơn kết quả của chỉ số tham chiếu nội bộ. Quỹ đã đạt được mục tiêu đầu tư đã đặt ra cho năm 2020.*

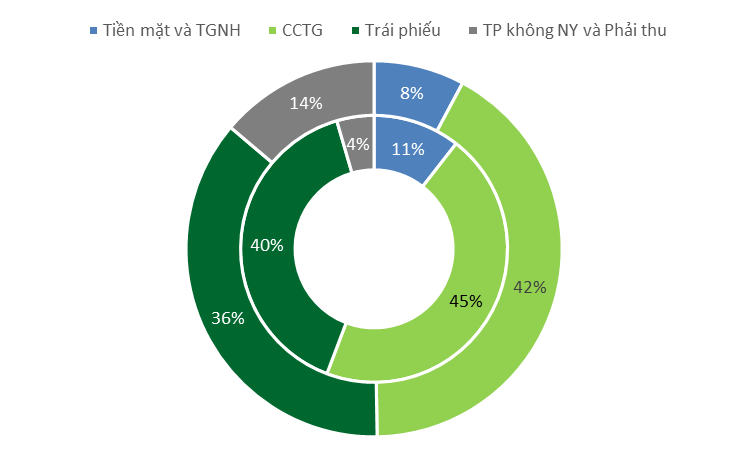
1. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*
2. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: *Trong kỳ quỹ áp dụng chính xác các chiến lược, chiến thuật đầu tư như đã được công bố trong Bản cáo bạch (Không bổ sung gì thêm)*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo*:*

*Tại thời điểm 31/12/2019, phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ tính trên giá trị tài sản ròng bao gồm 40% giá trị trái phiếu doanh nghiệp; 45% giá trị chứng chỉ tiền gửi và 11% tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Tại thời điểm 31/12/2020, phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ tính trên tổng tài sản ròng bao gồm 36% giá trị trái phiếu niêm yết; 32% giá trị chứng chỉ tiền gửi và 8% tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, 14% giá trị trái phiếu không niêm yết và các khoản phải thu.*

**Tỷ trọng tài sản trong tổng tài sản quỹ VFB tại thời điểm 31/12/2019 (Trong) và 31/12/2020 (Ngoài)**

****

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

*Trong giai đoạn từ thời điểm 1/1/2020 tới 31/12/2020, giá trị tài sản ròng (NAV) trên chứng chỉ quỹ tăng từ 19.454,05 đồng lên 20.756,15 đồng tương đương mức tăng trưởng 6,69%. Giá trị tài sản ròng của quỹ tăng từ 491,79 tỷ đồng lên mức 905,69 tỷ đồng trong giai đoạn nêu trên. Biến động NAV của quỹ chủ yếu do việc quỹ VFB phát hành lượng chứng chỉ quỹ mới cho người đầu tư (phát hành ròng 369,21 tỷ đồng) và kết quả hoạt động đầu tư của quỹ với tổng lợi nhuận đạt 44,86 tỷ đồng. Lợi nhuận hoạt động đầu tư của quỹ VFB có được từ lãi tiền gửi, lãi trái phiếu trong khi hoạt động giao dịch trái phiếu mang lại khoản lỗ nhỏ trong năm.*

*NAV trên mỗi chứng chỉ quỹ của quỹ đã có sự tăng trưởng ổn định trong cả năm 2019 và năm 2020 do quỹ VFB đã xây dựng được danh mục trái phiếu doanh nghiệp ổn định từ đầu năm. Danh mục đầu tư của quỹ VFB bao gồm trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các công ty tài chính tiêu dùng và tiền gửi ngân hàng. Tỷ trọng đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp tương ứng trong khoảng 60%-92% tổng tài sản của quỹ, Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được duy trì ở mức lên tới 40% tổng tài sản quỹ trong quý 2 2020 để phòng ngừa các rủi ro phát sinh do tác động của dịch Covid-19. Quỹ VFB đã tích cực giải ngân trong quỹ 3 và quý 4 2020 sau khi có các đánh giá về tác động của bệnh dịch và khả năng phục hồi của thị trường, đưa tỷ trọng tiền mặt và TGNH trong tổng tài sản của quỹ về mức 8% tại thời điểm cuối năm. Quỹ đã thực hiện các giao dịch trái phiếu chính phủ trong quý 1 và quý 4 2020 và không giao dịch trong giai đoạn quý 2 và quý 3 của năm.*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *không có*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: *không có*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : *không có*

hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát: nội dung như trình bày trong báo cáo giám sát của Ngân Hàng Standard Charterered Việt nam**

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (tiền thân là “Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam”) (“DCVFM”) trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch: trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

* Theo Mục c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi.’’ Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 03 tháng 01 năm 2020 đến kỳ định giá ngày 17 tháng 01 năm 2020, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật chậm nhất vào ngày 20 tháng 03 năm 2020 cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên.

Tại ngày 23 tháng 01 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ tại ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* Theo Mục e, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 03 tháng 01 năm 2020 đến kỳ định giá ngày 17 tháng 01 năm 2020, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán chưa niêm yết đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật chậm nhất vào ngày 20 tháng 03 năm 2020 cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên.

Tại ngày 23 tháng 01 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ tại ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục e, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch;

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ đã thực hiện:

* + Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: trong năm Quỹ phát hành thêm 35.571.220,52 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị theo mệnh giá là 355.712.205.200 đồng;
  + Mua lại chứng chỉ Quỹ: trong năm Quỹ mua lại 17.215.892,91 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 172.158.929.100 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận.

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với chi phí hoạt động** | **Tỷ lệ so với thu nhập** |
| Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng | 0.29% | 1.59% | 0.25% |
| Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 0.51% | 2.77% | 0.43% |

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);



d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ** |